

Bản án số: **34/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2025

V/v TC Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Bảy.

2. Ông Phạm Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2025, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2025 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Kim L**, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 637 Tổ 2, ấp T, phường V, tỉnh An Giang.

Số CCCD: 091197013603 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/9/2022.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 488/1, ấp H, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

Số CCCD: 094088013846 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/01/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L trình bày: Bà và ông T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, TP. R, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND phường V, tỉnh An Giang). Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lâm T, sinh ngày 29/9/2018

và Nguyễn Lâm A, sinh ngày 25/8/2020. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc. Tuy nhiên, gần đây vợ chồng bất đồng quan điểm, sống thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung, đã ly thân. Nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T; Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Lâm T, sinh ngày 29/9/2018 và Nguyễn Lâm A, sinh ngày 25/8/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu cho ông trực tiếp nuôi và không đồng ý giao mỗi người 01 con chung vì ông không muốn chia tách các con. Hiện nay ông T đi làm ở TP. Hồ Chí Minh, trường hợp giao con cho ông nuôi, ông sẽ nhờ anh em của ông chăm sóc, đưa rước cháu đi học. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Nay bà L và ông T đều không muốn hàn gắn, thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các bên.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Lâm T, sinh ngày 29/9/2018 và cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 25/8/2020. Xét thấy, cháu T và cháu A sống bên ngoại từ nhỏ, đi học gần nhà, được chăm sóc tốt và ông T cũng thừa nhận. Bà L và ông T đều có yêu cầu nuôi 02 con chung. Ông T yêu cầu Hội đồng xét xử giao cả 02 cháu cho ông trực tiếp nuôi và không đồng ý giao mỗi người 01 con chung vì ông không muốn chia tách các con. Hiện nay ông T đi làm ở TP. Hồ Chí Minh, trường hợp giao con cho ông nuôi, ông sẽ nhờ anh em của ông chăm sóc, đưa rước cháu đi học. Hội đồng xét xử thấy rằng, cho đến nay, các bên vẫn không cung cấp các chứng cứ, chứng minh thu nhập, điều kiện nuôi con. Với điều kiện nuôi con mà ông T trình bày tại phiên tòa như trên không đảm bảo tốt hơn điều kiện sống hiện nay của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cũng như ổn định môi trường sống của các cháu. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được quyền cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Kim L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận bà Lâm Thị Kim L và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn Lâm Tr ường, sinh ngày 29/9/2018 và cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 25/8/2020 cho bà Lâm Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T và cháu A đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận bà Lâm Thị Kim L không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng:

Bà Lâm Thị Kim L phải chịu là 150.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000120 ngày 10/7/2025 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Cần Thơ đã thu. Bà Lâm Thị Kim L được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí từ Biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu là 150.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 10 - Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 10 - Cần Thơ;
- UBND phường V, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa